

ĐẶC ĐIỂM TẠP VĂN TRÊN AN HÀ BÁO

VÕ THANH DŨ*

Bài viết trình bày những kết quả khảo sát về đặc điểm nội dung, nghệ thuật của tạp văn được đăng tải trên An Hà báo (1917-1934?) - một tờ báo ái quốc viết bằng chữ quốc ngữ đầu tiên trên vùng đất Tây Nam Bộ nói chung và Cần Thơ nói riêng.

Từ khóa: tạp văn, An Hà báo, đô thị Cần Thơ

Nhận bài ngày: 17/11/2021; đưa vào biên tập: 22/11/2021; phản biện: 24/9/2023; duyệt đăng: 11/11/2023

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tạp văn trên An Hà báo tương đối nhiều, phản ánh đa dạng những vấn đề liên quan đến kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội mang tính chính luận sâu sắc, có khi là những bài viết bộc lộ những cảm xúc, suy nghĩ, tình cảm của người viết về cảnh vật (mượn cảnh tả tình), đạo đức, thể hiện trực tiếp tư tưởng, tình cảm của người viết. Tạp văn trên An Hà báo đã có những đóng góp quan trọng trong quá trình hiện đại hóa văn học quốc ngữ Nam Kỳ nói riêng và nền văn học Việt Nam nói chung hồi đầu thế kỷ XX và là niềm tự hào của người dân Cần Thơ cũng như người con của miền Tây Nam Bộ.

Khi thống kê tạp văn trên An Hà báo, người viết một mặt chọn lọc các bài tạp văn có nội dung phản ánh, bình luận, đánh giá tình hình xã hội, cuộc sống, con người; mặt khác mở rộng sang một số bài viết, tuy phương thức thể hiện có pha màu sắc trữ tình, gần gũi với ký sự, bút ký nhưng trong đó vẫn hiện diện các yếu tố bình luận, đánh giá, phát biểu quan niệm... của tạp văn.

2. ĐÔI NÉT VỀ AN HÀ BÁO

Đầu thế kỷ XX, phong trào chống thực dân Pháp diễn ra mạnh mẽ khắp cả nước với các cuộc vận động Duy Tân hô hào khai sáng nâng cao dân trí, mở mang kinh tế, văn hóa xã hội... Tuy diễn ra bằng hình thức bất bạo động, nhưng các phong trào này cũng bị thực dân Pháp đàn áp dã man. Ở Bắc Kỳ, Lương Văn Can - lãnh tụ

* Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

phong trào Đông Kinh nghĩa thực, bị bắt giam; ở Nam Kỳ, Pháp bắt Trương Duy Toàn, Nguyễn Thần Hiến... - những nghĩa sĩ tiêu biểu của phong trào Minh Tân. Năm 1916, An Hà báo được thành lập, năm 1917 xuất bản số báo đầu tiên. An Hà báo xuất bản vào ngày thứ bảy hằng tuần có trụ sở tại Cần Thơ. Người đầu tiên quản lý An Hà báo là thông phán Võ Văn Thơm - nhà yêu nước tham gia phong trào Minh Tân (ông từng là thành viên Hội đồng quản hạt Cần Thơ - Sóc Trăng - Bạc Liêu, trúng cử năm 1922). An Hà báo trải qua nhiều chủ bút như Lê Quang Chiêu, Trương Quang Tiền, Trần Đất Nghĩa [viết theo chính tả thời đó – VTD], Đỗ Văn Y, Phạm Kỳ Xương (tức Phạm Bá Đại người làng Thới Long)...

Tờ báo này chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi khẩu hiệu “Giáo dục quần chúng để canh tân xứ sở” của phong trào Duy Tân. Năm 1934, khi ngưng hoạt động do khó khăn về kinh phí, An Hà báo đã phát hành trên 800 số sau 17 năm hoạt động.

An Hà báo chủ yếu mở rộng, khai thông và nâng cao dân trí, thể hiện, truyền bá văn hóa, tư tưởng, các hoạt động kinh tế trong và ngoài nước, bảo tồn các giá trị văn hóa của người dân Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng và người dân Việt Nam nói chung.

An Hà báo hoạt động theo hướng cổ vũ người dân canh tân đất nước bằng hoạt động làm kinh tế, qua đăng tải các xu hướng kinh tế của thế giới,

nhiều cách làm ăn mua bán, giá cả thị trường, áp dụng các tiến bộ của công nghệ vào sản xuất hàng hóa (như làm xà bông), phát huy tài nguyên bản địa, thông tin giá cả thị trường,...

Báo An Hà được xem là niềm tự hào, vinh dự của người Cần Thơ nói riêng và dân miền đất “chín rồng” nói chung. Quản lý An Hà báo là những nhà trí thức yêu nước, những doanh nhân giỏi có tiếng ở Cần Thơ và vùng Đồng bằng sông Cửu Long bấy giờ. Tạp văn trên An Hà báo⁽¹⁾ phản ánh đời sống xã hội, văn hóa, nghệ thuật của người Cần Thơ nói riêng, vùng miền Tây nói chung và truyền tải thông tin về canh tân đất nước.

3. TẠP VĂN PHẢN ÁNH HIỆN THỰC XÃ HỘI VỚI NHỮNG VẤN ĐỀ CỦA CUỘC SỐNG ĐƯƠNG THỜI

3.1. Hiện thực cuộc sống xã hội

Sau khi thực dân Pháp chiếm đóng toàn bộ Nam Kỳ lục tỉnh năm 1867, thì ngay sau đó Nam Kỳ đã xuất hiện tầng lớp xã hội mới so với trước đây như phu xe, công nhân, thầy cai, hội đồng... cùng với đó là sự “đô thị hóa” các vùng nông thôn một cách sâu sắc. Đất Cần Thơ cũng không ngoại lệ. Cuộc sống vật chất xã hội, văn hóa tinh thần của người dân Nam Kỳ với những xáo trộn, giằng co giữa vật chất kim tiền và ý thức văn hóa xã hội. Cuộc sống người dân Nam Kỳ giai đoạn này cũng đầy rẫy những tên bịp bợm, dối trá, trộm cướp luôn rình rập chờ người sơ hở để “hành nghề”, thật giả, giả thật. Hay như *Coi hát bị móc túi rình* thì có anh móc túi thấy một

ông lão nhà quê đi coi hát bội do cô Năm Chung hát thì bèn đi theo và dụng ý giở trò móc túi. Mặc dù ông lão là người ở dưới quê nhưng tinh thần cảnh giác đề phòng kẻ gian manh rất cao “Ông lão tuy là người nhà quê nhưng ông dần nghe nói ở Sài Gòn và chợ lớn không thiếu cho bộm móc túi, nên ông vào rạp hát thì có ý đề phòng. Vì thế anh bộm rình đã lâu mà chưa làm gì được” [Trích nguyên bản cách viết] (số 355, năm 1924). Hay những cô gái làm điểm đưa đẩy mời gọi “khách”: “... Ba cô này lồi trên 20 tuổi, còn 1 có lồi 16, 17 mà thôi. Hai cô kia về phòng, còn cô áo túi ở lại... xin nhắc lại: khi 2 cô kia về phòng, cô nọ ngồi lại đó, coi bộ thèm em lắm! (cục sạng mà nó tưởng là cục mở chớ!). [...] chừng em hỏi lại tên bồi, mới tỏ rằng 3 con đó là phường đi lậu!!?” (Tuyệt Hữu, số 407, năm 1925).

Đời sống người dân Nam Kỳ khổ nhọc, quan Pháp và tay sai đi đến đâu cũng bắt dân chúng cống nạp, chiều chuộng và là lẽ hiển nhiên chúng rất coi thường người dân Việt Nam “Một ông quan võ a lê măng dắt ít tên bộ hạ vào một nhà kia biểu dọn ăn bữa cơm. Trong mấy món ăn có một đĩa khoai tây, vị quan võ bèn bưng lên đưa ngang mặt người dọn ăn mà nói rằng: Đồ này xứ tôi cho heo ăn!” (Võ Hà Nhiên, số 247, năm 1922). Trong *Phá tôi sao chớ* thể hiện cuộc sống nghèo khổ của người dân. Việc cưới vợ - việc trọng đại trong đời người - mà cũng phải chạy mượn đồ đạc để chuẩn bị hôn lễ. “Đến ngày cưới, nhà

anh ta thì nghèo, lúc bày dọn đám cưới thiếu món này, hụt món nọ nên phải chạy qua nhà người này mượn bộ lư, tới nhà người kia mượn tấm chần tiền bàn, lại nhà người kia mượn bộ khay hộp kỷ trà, chưng đèn, ghé nghi v.v churen dọn nhà cửa hực hờ, nhưng mà cả thầy là đồ mượn của người ta ráo” (Phá Đám, số 517, năm 1927). Đến ngày tết Nguyên Đán được xem là ngày lễ hội quan trọng của người Việt Nam mà cũng chẳng vui, chẳng buồn để mua sắm “Nghe nói năm nay (1931) dân sự ăn tết chẳng có chi rằng trọng đại, vì lúa hạ giá rẻ quá nên kém khuyết tiền mua vật thực, đồ ăn thì mắc, lúa rẻ, bán 3, 4 gạ lúa chỉ có một đồng bạc là nhiều, thậm chí đến mấy ông chủ điền cũng túng tiền, cục chẳng đã không lẽ bỏ ba ngày ấy nên mua sắm chút ít đó thôi, chớ không có treo pháo đốt như mọi năm vậy” (Huỳnh Hoa, số 670, năm 1931).

Tuy nhiên, xứ Cần Thơ cũng có những bước phát triển, thay đổi nhất định, phổ xá khang trang, xe cộ, tàu ghe đông đúc hơn xưa, các công xưởng, các cửa hàng buôn bán của ta có thể cạnh tranh với các hiệu buôn ngoại quốc như Ấn Độ hay Huê Kiều (số 517, năm 1927)

Như một quy luật có sẵn của tạo hóa, cha mẹ luôn là những người có tình cảm bao la rộng lớn yêu thương con cái dù bất cứ trong hoàn cảnh nào đi chăng nữa thì cha mẹ vẫn lo lắng, dành dụm của cải cho con cái sau này. “Cha mẹ thương con không cùng, lo

hậu cho con, phần nhiều nghịch vậy, sẵn của tiền, nào bài bạc rượu chè, sa trai đắm gái, tiêu xài vô lối thì thiệt uống công cha ăn bánh sữa bóng ngày trước lăm ru” (Kiêm, Đích Vàng, số 271, năm 1922).

Tuy nhiên, nhiều người dân cũng chuyên lo làm ăn, đi đó đi đây học hỏi giao lưu về thương mại, kinh tế ở trong và ngoài nước. Đồng thời, đem những cái hay của xứ khác về để truyền bá cho dân chúng xứ mình noi theo mà áp dụng như trong ký sự *Tin về cho bạn quý hữu Kỳ Xương* có đoạn: “Em đi đây, trước muốn biết nhiều xứ, sau nửa giao thiệp với các nhà buôn bán khắp nơi, cho dễ bề buôn bán chớ chẳng phải đi chơi. Trong lúc em đi đàng cũng thấy biết nhiều việc, đáng nói ra cho nhiều người biết hòng noi lành, những việc phải quấy”. Kêu gọi cạnh tân xứ sở, lòng yêu quê hương đất nước, đồng bào người Việt Nam đoàn kết giúp đỡ nhau, cùng nhau cạnh tân xứ sở. Đó không chỉ là sự cạnh tranh mà còn là sự đấu tranh cho sự tồn tại của người dân Việt Nam với các nước ngoại quốc. Là cách hữu hiệu để người dân đoàn kết, hỗ trợ nhau để xây dựng một đất nước suy yếu, lạc hậu về kinh tế, kỹ thuật.

3.2. Những vấn đề về con người

3.2.1. Con người trong buổi giao thời

Trong bối cảnh giao lưu và hội nhập của xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX nói chung và bối cảnh xã hội Nam Kỳ nói riêng không thể không xảy ra

những mâu thuẫn, giằng co nhất định giữa: truyền thống - hiện đại, thủ cựu - tân học, cũ - mới; và thói hư tật xấu xuất hiện ít nhiều trong tất cả các tầng lớp xã hội, từ người bình dân cho đến quan lại có chức quyền. Nếu quan lại hối lộ, tham quyền đề đầu nhân dân thì các mối quan hệ xã hội cũng từ đó mà rạn nứt, mâu thuẫn xung đột với nhau. Xã hội từ trước đến nay lúc nào cũng “Nhơn tình mặt trắc thế sự nan lường, thiên hạ đời nay xem tiền tài là trọng, nhơn nghĩa là khinh, lại thêm cái tục ở chốn hương thôn thường thấy đũa lạnh hay dành đũa dại” (Phạm Kỳ Xương, số 670, năm 1930).

Xã hội Nam Kỳ trong buổi giao thời đầu thế kỷ XX với hai dòng mới - cũ, gặp vô vàn những cái đối kháng, tốt - xấu, thật - giả... với những va chạm từ các mối quan hệ gia đình, cha con, vợ chồng ngoại tình, quan lại nhũng nhiễu người dân, bao che cái xấu vì vật chất kim tiền... Những thói hư tật xấu được An Hà báo đăng tải bởi cũng do xuất phát từ lòng tham của mỗi con người như dê xòm, ham ăn, phách lối, ỷ ta đây có học được đôi ba chữ mà làm giọng cao sang... với cái cười hài hước được thể hiện khá rõ, châm biếm chỉ ở mức độ nhẹ nhàng và dừng lại ở mức chỉ phát hiện, móc họng làm “quê”...

3.2.2. Con người trong sự giao thoa giữa truyền thống, hiện đại, giữa tân học và cựu học

Trước hoàn cảnh đất nước rơi vào tay thực dân, nhân dân Việt Nam nói

chung, người dân Nam Kỳ nói riêng luôn phấn đấu, nỗ lực chống lại tình trạng nô lệ giằng co, va chạm trên nhiều phương diện từ kinh tế, văn hóa, chính trị cho đến văn chương nghệ thuật... giữa văn hóa truyền thống và hiện đại. Các tác phẩm trên An Hà báo đã ra đời với tính chất là báo chí, văn chương hợp pháp, công khai. Để tồn tại và phát triển khoảng 17 năm, báo An Hà đã có những cách thức phản ánh riêng. Vào giai đoạn này, sự giao lưu, hội nhập, giằng co giữa văn hóa truyền thống với văn hóa hiện đại diễn ra sôi nổi, trong đó, tinh thần dân tộc và giá trị văn hóa truyền thống trong lối sống cũng như cung cách sinh hoạt luôn được chú trọng. Người dân Nam Kỳ lúc bấy giờ vẫn rất trọng và ăn tết Nguyên Đán, xem hát bội, coi cải lương, tham gia các hoạt động tế thần hoàng... song song đó, tiếp thu những giá trị mới như tham gia sáng tác và thưởng thức văn chương, học chữ nghĩa, xem xiếc, coi nhạc Tây...

Trong các tạp văn trên An Hà báo, các tác giả đã thoát khỏi sự ràng buộc của văn tự Hán - Nôm, văn hóa Hán... Họ chuyển sang sử dụng chữ cái Latinh trong sáng tác và sử dụng tiếng An Nam ròng làm chất liệu trong việc sáng tác văn chương. Tính dân tộc được thể hiện rõ trong sáng tác văn chương thông qua các cảm hứng rất “Việt Nam”.

Mặc dù thực dân Pháp cố sức đồng hóa văn hóa người Việt Nam bằng cách đưa các ngày lễ, hội bên “mẫu

quốc” sang nhưng người dân Nam Kỳ luôn cố gìn giữ những ngày lễ tết mang bản sắc người Việt Nam tiêu biểu như là tết Nguyên Đán. Trong *Về chốn thôn quê trong ba ngày tết* phản ánh sự tất bật chuẩn bị dọn dẹp nhà cửa, trẻ em thì được sắm sửa quần áo mới, gia đình đoàn tụ sum vầy dù có bận rộn hay ở nơi xa thì cũng về bên mái ấm gia đình “Tết đến mình vẫn có lòng mừng vậy, chẳng phải riêng vì ai. Bấy lâu công việc ràng buộc nay ngày xuân được rảnh, thôi thì mình tính về thăm nhà và ăn tết chơi luôn thể”. Trong tư tưởng của người dân bấy giờ về văn hóa truyền thống và văn hóa hiện đại, giữa tân học và cựu học đã có sự giao lưu, tiếp biến, chọn lọc để phát triển. Họ đã biết dung hòa, kết hợp giữa truyền thống và hiện đại, giữa tân học và cựu học để tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững “Ở vào lối đời cạnh tranh phải có đổi cũ thay mới, đừng câu nệ quá mà thành ra trễ nải bước chơn. Nhưng trong cái lối đổi cũ thay mới, ta lại cần nên truy thâu mới được, vì chưa ắt bao nhiêu cái mới đều tốt cả, mà cũng chớ phụ rằng bao nhiêu cái cũ đều không đáng di truyền cho đoàn hậu tấn để gìn giữ cái quốc túy cho nhau...” (Trương Quang Tiền, số 248, năm 1922). Và họ cũng cho rằng nên xem xét cho rõ ràng thế nào là văn minh, suy tư trăn trở và khuyên răn không nên bám víu vào cái văn minh vật chất mà quên đi những yếu tố tinh thần, phong tục truyền thống tốt đẹp của dân tộc. “Về tinh thần của văn minh, ta nên nghiên cứu cho tinh

tường, xu hướng theo, gán bó lấy, mà về vật chất của văn minh ta cần phải biết có hại hầu rẻ rúng đi. Cái cơ tiến bộ là do hai chữ văn minh mà lan tràn ra, ta cứ xem ngay các liệt cường ở trên quả địa cầu thời rõ. Người mình ai cũng đã công nhận rằng hai chữ văn minh có giá trị cao thượng lắm, thế mà phần nhiều chưa có tư tưởng đặt biệt hầu truy ra cái giá trị ấy được cao thượng là tự bởi đâu. Có nên mãi thiên về vật chất văn minh, khiến cho càng nghe đến xuân thời lại càng bắt lo sợ cho những cái phong tục tốt, tư tưởng hay của nước nhà...” (Trương Quang Tiền, số 248, năm 1922). Bởi mỗi cộng đồng dân tộc đều có những nhận thức nhất định về các vấn đề lịch sử, xã hội và con người theo những góc độ riêng tùy thuộc vào những hoàn cảnh khác nhau của đất nước mình.

4. NGÔN NGỮ TRẦN THUẬT TRONG TẬP VĂN TRÊN AN HÀ BÁO

4.1. Lời kể

Ngôn ngữ kể là ngôn ngữ của tác giả dùng để kể lại câu chuyện trong tác phẩm của mình và còn là phương tiện để thuật, miêu tả, bình luận và đánh giá các nhân vật, sự kiện trong tác phẩm văn chương. Ngôn ngữ người kể chuyện mang nét phong cách riêng về ngôn từ, cách thể hiện trí tuệ, tình cảm của người kể chuyện.

Vì thế, việc tìm hiểu đặc trưng ngôn ngữ người kể chuyện không chỉ có ý nghĩa trong việc tìm hiểu nhân vật mà còn góp phần làm sáng rõ đặc trưng ngôn ngữ, văn hóa và phong cách

nghệ thuật của tác giả. Trong nền văn học quốc ngữ Nam Kỳ đầu thế kỷ XX, các tác giả viết tập văn thời bấy giờ chưa thật sự phong phú nhưng người ta khá dễ dàng nhận ra phong cách rất “Nam Kỳ” rõ nhất ở bình diện ngôn ngữ. Ngôn ngữ mang tính chính luận sắc bén nhưng chân chất đời thường, gắn liền với những lời ăn tiếng nói hằng ngày của người dân, không tạo khoảng cách xa rời giữa cuộc sống, độc giả và người viết.

Hướng tới đời thường là một trong những nét riêng biệt trong ngôn ngữ kể của các tác giả trên An Hà báo. Ngôn ngữ người kể chuyện trong các tập văn trên An Hà báo bao giờ cũng rõ ràng, dễ hiểu, lời văn gắn liền với lời ăn tiếng nói hằng ngày, sự chân thật mang hơi thở của cuộc sống “Ông lão kia dưới tỉnh lên Sài Gòn chơi, nghe chợ lớn có hát bội và bữa có cô Năm Chung sắm tuồng. Ông vẫn nghe tiếng cô Năm Chung nhưng chưa được coi cô hát, bấy lâu có lòng ao ước nên bữa đó nghe cô làm tuồng bèn vô Chợ lớn mà coi hát” (An Hà báo số 355, năm 1924). Trong ký sự *Về chốn quê xưa* Phạm Kỳ Xương đã dùng lời văn rất mộc mạc chân quê để kể về những cảm xúc khi thăm quê nhà sau 25 năm xa xứ: “Thoạt đầu đến nhà cô Hai, dừng bước ghé thăm cô còn sức khỏe. Tuy năm nay cô đã 80 tuổi rồi, nhưng mà trí não của cô hầy còn sung túc, tiếng nói đủ tinh thần sắc sảo. Cô trở về già thì hình thể tay chơn đều trở đời mỗi giống nội tổ trước như tạ...”. Bởi vậy, ngôn ngữ

người kể truyện trên An Hà báo mang tính soi tỏ, bao quát nhiều lĩnh vực trong cuộc sống giúp người đọc có thể tìm thấy nhiều tầng ý nghĩa, sự thú vị khác nhau.

Bên cạnh đó, ngôn ngữ kể ở các ngôi kể khác nhau trong tạp văn trên An Hà báo mang đậm tính chân thật. Trong tạp văn trên An Hà báo, các tác giả sử dụng ngôn ngữ người kể truyện có rất nhiều từ ngữ, câu văn, đoạn văn mang tính chất thông dụng như lời ăn tiếng nói hàng ngày của người dân miền Tây Nam Bộ được đưa vào bài báo một cách rất tự nhiên, gần gũi, bình dị, nhưng không kém phần sang trọng, như *Coi hát bội bị móc túi rình*, *Về chốn quê xưa*, *Vui xuân hay sầu xuân*, *Canh vắng đêm rằm*...

Để tạo nên tính “đời thường” cho ngôn ngữ trong tác phẩm của mình trên An Hà báo, các tác giả đã sử dụng rất nhiều khẩu ngữ. Chính do các tác giả sử dụng từ giàu tính khẩu ngữ trong tạp văn, nên đã góp phần tạo nhiều dấu ấn trong từng trang văn, mang phong cách rất Nam Kỳ như tánh, phú, âu, câu nệ, bước chơn, tiêu xài... “*Mỗi người, trời phú mỗi bẩm riêng từng tánh, thời mừng xuân âu cũng phải khác nhau*” (Chào xuân - Lê Chơn Tâm) hay trong tùy bút *Vui xuân hay sầu xuân* cũng thể hiện rất rõ phong cách khẩu ngữ đó “Ở vào lối đời cạnh tranh phải có đổi cũ thay mới, đừng câu nệ quá mà thành ra trễ nải bước chơn. Nhưng trong cái lối đổi cũ thay mới, ta lại cần nên truy thâu mới được, vì chưa ắt bao nhiêu cái mới

đều tốt cả, mà cũng chớ phụ rằng bao nhiêu cái cũ đều không đáng di truyền cho đoàn hậu tấn để gìn giữ cái quốc túy cho nhau”.

Các tác giả viết tạp văn trên An Hà báo cũng rất ưa chuộng trong việc dùng các quán ngữ, thành ngữ để đưa đẩy, rào đón hay để diễn đạt cho sinh động bằng những câu thành ngữ, tục ngữ mang tính châm biếm, chế giễu... “Tứ đồ tường”, “Hồ thi tang bồng”, “Gần mực thì đen gần đèn thì sang”, “Lá thắm chỉ hồng”, “Thương hải tan điền”...

Sắc thái khẩu ngữ và biểu cảm của lớp từ khẩu ngữ còn thể hiện qua các từ ngữ cảm thán như: “Chà chà”, “à à”, “hỡi ơi”, “thôi thôi”, “thảm thay”, “ôi”, “ôi thôi”, “tiếc thay”, “dạ thưa”, “ngáng thay”, “châu ôi”, “kỳ quá”, “đây nè”, “mình ơi”... những từ ngữ xưng hô “đặc sệt” chất Nam Bộ. Trong tạp văn trên An Hà báo còn xuất hiện nhiều cách nói chân chất thôn quê, thật thà, chất phác. Các tác giả dùng ngôn ngữ đậm chất đời thường, phơi bày một cách trần trụi những ngổn ngang, bộn bề lo toan cuộc sống. Các tác giả viết tạp văn trên An Hà báo đã để cho cuộc sống lộ diện một cách chân thật nhất trong tác phẩm của mình, tác giả không “tô hồng” cuộc sống xung quanh mà nhìn thẳng, nhìn trực diện vào cuộc đời mang hơi thở của thời đại “Hèn chi cái sách thánh hơn không làm. Hề thất nghiệp phụ thì sanh thất nghiệp tử... Thôi kiêu anh, thẳng con tôi cũng thất nghiệp rồi anh Bảy Bop ơi...” [Trích nguyên bản

cách viết] (Minh Sơn, số 712, năm 1931).

Tạp văn trên An Hà báo giống như chiếc gương phản chiếu muôn mặt đời sống người Nam Kỳ đầu thế kỷ XX với những trắc trở, ngang trái. Các tác giả viết tạp văn trên An Hà báo không quá chú tâm, dụng công trong việc gọt giũa ngôn từ, mà tác giả để cho ngôn ngữ tự thể hiện tự nhiên thông qua cách ứng xử, giao tiếp của các nhân vật, các sự kiện, tạo nên nét chân thật, đa thanh của ngôn từ.

4.2. Lời tả

Nếu các tác giả viết tạp văn trên An Hà báo dùng rất nhiều câu chữ khẩu ngữ, phương ngữ để kể nhằm làm tăng tính thân thiện, gần gũi dễ hiểu giữa “văn và đời”; nhiều câu văn bóng bẩy để miêu tả cảnh và tả tình là chủ yếu.

Cách miêu tả của người kể truyện trong tạp văn trên An Hà báo đã tạo được một cảm giác như bức tranh khung cảnh thiên nhiên đầy màu sắc của thực tại. Bức tranh hiện ra thông qua ngôn ngữ kể với trí tưởng tượng đầy đủ hình ảnh, màu sắc, âm thanh sự đời. Sự hòa trộn giữa âm thanh, ánh sáng tạo nên một bức tranh sống động mà thế giới tự nhiên đã ban tặng cho người dân đô thị Cần Thơ đầu thế kỷ XX “Chợt chúng tôi đi từ từ trên con đường sau Cánh Thơ - Cánh Răng, mắt xem dài theo hai bên lề đường, thấy cây tác đứng sừng sững ngay hàng lá đơm xanh um xanh xát, lại lúc bấy giờ được ánh nắng mặt trời chiếu qua chiếu lại, có vẻ đẹp sáng

lòa, hình như pha nhuộm màu thanh, màu hường, màu hoàng, màu bạch; thật là đẹp chẳng cùng” (Phạm Công Thành, số 416, năm 1925).

Không chỉ có bức tranh thiên nhiên đầy sống động với đầy đủ sắc màu cuộc sống mà tạp văn trên An Hà báo còn được miêu tả với vẻ đẹp đượm buồn sự “oi bức” của bóng trắng giữa đêm hè. Sự oi bức chỉ là sự nóng nực của thời tiết mà còn là nỗi “khó tả” của người con mắt nước mà chẳng giúp ích được gì cho quê hương. Chính vì vậy, mà tác giả Lạc Hà đã miêu tả Bóng trắng đêm hè để nói lên nỗi lòng bằng bức tranh khung cảnh:

“Tiền quốc kêu sầu đêm vắng ngất
Bóng trắng thấp thoáng rọi ngoài song.
Khí trời đang nồng nực, ở trong nhà rất bức mình, nên thơ thẩn ra sân hóng mát, lúc bấy giờ đồng hồ đã gõ 10 giờ, nhìn lên trời cao trắng tỏ trên ngọn tre lấp ló bóng cô Hằng, gió chẳng chút động lay, cây cỏ đứng lặng lẽ như tờ, mây trắng thấy đầy trời, phút chốc lại đổi thay hình dạng, sao thưa nhấp nháy, dường sông ngâu nổi nhịp giữa vừng không, xa vắng nghe tiếng quỳên kêu khắc khoải giọng điệu tỉ tê, hình hư cũng kêu trời vì nổi nực...”

Mùa nồng nực ai không nồng nực
Phải mình ai bức rức riêng ai
Xin trời quạt gió cho người
Cho người mát mặt ở nơi phong trần
Trông trăng luôn những dao lòng
Một mình một bóng mấy lần vào ra”
(Lạc Hà, số 477, năm 1926).

Với cách miêu tả chân thật, gần gũi, các tác giả viết tạp văn trên An Hà báo đã góp phần phát triển thêm chữ quốc ngữ trong buổi đầu phát triển, giúp người dân dễ dàng trong cách học, cách đọc, cách viết. Những hình ảnh qua ngôn từ rất “chân quê” của đất và người nơi đây như: “Thím thấy cái mặt của thầy sao buồn xo, một tay thầy móc nón, một tay móc túi lấy cái dây thép đưa ra cho thím nói đây nè, dây thép của má đánh xuống đó” (Madelon, số 513, năm 1927). Những hình ảnh, màu sắc, âm thanh được tác giả kể lại thật tự nhiên, đời thường nhưng cũng rất kiều sa.

4.3. Lời bình

Lời bình là những câu giải thích, những nhận xét, nhìn nhận đánh giá để làm sáng tỏ một vấn đề nào đó của văn bản hay đoạn văn. Qua đó, tác giả bộc lộ, thể hiện ý đồ tư tưởng tác phẩm.

Lời bình trong tạp văn trên An Hà báo là thành tố quan trọng chuyển tải những tư tưởng, thông điệp rõ ràng và sâu sắc của tác giả đến công chúng độc giả thời đó. Như trong *Vui xuân hay sầu xuân* tác giả Trương Quang Tiền nhận định, kêu gọi mọi người: “Xuân đến gần đây là tuyệt sắc, tôi đứng nằng nệ xuân mà nên mượn hơi thụy khí để cùng hô hào cái chủ nghĩa đoàn thể, cùng đạt đến cái mục đích cạnh tranh. Còn ngày xuân đã đến, ai ôi rang tỉnh hồn xuân”. Các tạp văn trên An Hà báo ra đời trong hoàn cảnh xã hội đặc biệt với những vấn đề đời sống xã hội phức tạp. Vì vậy mà các

thông tin, ý kiến bình luận trong tạp văn trên An Hà báo là những nhận định, gợi ý về những hành động, động cơ, mục tiêu phấn đấu của người dân Việt Nam.

Để lời bình đạt hiệu quả tối ưu, thì việc sử dụng ngôn ngữ rất quan trọng. Bởi khi sử dụng ngôn từ để bình luận thì có tác dụng nêu lên những gợi ý, sự liên tưởng, tưởng tượng đến sự vật, hiện tượng khác đến độc giả. Trong *Tôi ưa coi hát bội* của tác giả Thế Trung đã vừa bình luận vừa gợi lên sự liên tưởng, tưởng tượng cho độc giả “Bồn tánh ưa coi hát chẳng phải là gì kếp đẹp mặt đỏ râu dài, đào môi son mảy liễu, tôi sở dĩ thích là thích trong đôi ba giờ đồng hồ mà được trong lên một khoản ván nhỏ hẹp nào vua, nào quan, nào tướng, nào cha mẹ vợ chồng, anh em, bạn tát. Có lúc gặp tôi trung vì nước liều mình vì nước mà thương, còn đưa nịnh ỷ quyền hiếp chúng thấy mà ghét; lại có khi thấy gian phu mà giận, thấy liệt phụ mà thương; có nhiều đoạn tuồng diễn chuyện từ trăm ngàn năm trước, cuộc bi ai xem bắt ngậm ngùi, trường thán bại nghĩ ra thêm bát ngát...”.

Bên cạnh đó, lời bình còn thể hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả đối với các vấn đề trong xã hội. Vì vậy, các tác giả viết tạp văn trên An Hà báo cũng thường xuyên sử dụng lời bình để thể hiện tình cảm của mình về tình cảnh quê hương chưa sạch bóng quân thù, tự trách bản thân chưa lo được cho bản thân thì lấy gì lo cho gia

đình, lấy gì cho xứ sở. Các tác giả sử dụng ngôn từ bình luận trong tạp văn trên An Hà báo mang hơi thở của lời ăn tiếng nói hằng ngày trong sáng tác văn chương cũng như trong hoạt động báo chí ở Cần Thơ nói riêng và ở Nam Kỳ nói chung đầu thế kỷ XX. Vì vậy cho nên, lời bình trong tạp văn trên An Hà báo đã tạo nên sự đặc thù, phong cách riêng cho tạp văn lúc bấy giờ.

5. KẾT LUẬN

Bằng những lối viết riêng, các tác giả viết tạp văn trên An Hà báo đã tạo ra những tạp văn mang phong cách riêng rất đặc biệt, không cầu kỳ, trau chuốt mà lại có sức cuốn hút vô cùng mạnh mẽ nhưng lại rất dễ hiểu, gần gũi. Quá trình hiện đại hóa văn học trên An Hà báo có nhiều đặc điểm thống nhất với quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam, nhưng lại có những đặc điểm riêng biệt xuất phát từ các điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội... của vùng đất Nam Kỳ thời đó, do sự vận động của lịch sử và sự tiếp biến các yếu tố ngoại sinh khác.

Ở cả hai phương diện nội dung và nghệ thuật của tạp văn trên An Hà báo có nhiều điểm nổi bật như sau:

Sự phong phú về cảm hứng là nét khá nổi bật của tạp văn trên An Hà báo. Điều này làm cho nó đã bước đầu tách ra khỏi những cảm hứng đơn điệu nặng tính thuyết minh của văn chương phong kiến, ngay khi tác phẩm vẫn có phần lưu giữ những giá trị của tinh thần đạo lý truyền thống. Với bộ phận tạp văn, sự phong phú về

cảm hứng được thể hiện qua sự phong phú về đề tài và chủ đề.

- Về phương diện nội dung các tạp văn đã phản ánh một cách sinh động những vấn đề hiện thực trong xã hội đương thời với những vấn đề kinh tế, văn hóa - xã hội và chính trị với những trạng thái nhận thức và cảm xúc buồn lo, sợ hãi, hoài nghi... Chúng ta có thể nhận ra các vấn đề gắn bó với cuộc sống vừa nóng bỏng, vừa ẩn sâu vào những ưu tư trong buổi giao thời. Đó là những vấn đề xã hội, tình cảnh con người, về tình yêu, tình người... bên cạnh các vấn nạn đang hiện hữu.

- Về phương diện nghệ thuật thì đối với ngôn ngữ kể, ngôn ngữ tả rất chân thật. Các tác giả sử dụng nhiều nếu không muốn nói là đậm đặc từ ngữ địa phương (phương ngữ) Nam Bộ.

Ngôn ngữ văn chương của tạp văn trên An Hà báo đã có những đóng góp giá trị trong việc đặt nền tảng vững chắc cho xu hướng dùng chất liệu ngôn ngữ đời thường để xây dựng ngôn ngữ văn chương, ngôn ngữ báo chí. Bên cạnh các giọng văn chế giễu, cười nhẹ nhàng, người đọc có thể nhận thấy chiều sâu tâm tưởng, thái độ, tình cảm của các tác giả viết tạp văn trên An Hà báo qua giọng điệu bình thản, trầm trở. Qua đó cho thấy, việc tiếp cận tìm hiểu tạp văn trên An Hà báo giúp chúng ta có thêm cơ sở để hiểu rõ tư tưởng, tinh thần, quan niệm... của người Việt Nam nói chung và người dân Nam Kỳ nói riêng đầu thế kỷ XX dưới sự cai trị của thực dân Pháp. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Tác giả trích dẫn theo cách viết chính tả thời đó.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Huỳnh Hoa. 1931. “Về chốn thôn quê trong ba ngày tết”. *An Hà báo*, số 670.
2. Kiêm Đích Vàng. 1922. “Thiệt còn quá tở nữa”. *An Hà báo*, số 271.
3. Lạc Hà. 1926. “Bóng trắng đêm hè”. *An Hà báo*, số 477.
4. Lê Chơn Tâm. 1921. “Chào xuân”. *An Hà báo*, số 201.
5. Madelon. 1927. “Bà mẹ vợ dị đoan”. *An Hà báo*, số 513.
6. Minh Sơn. 1931. “Thằng con tôi cũng thất nghiệp rồi anh Bảy Bóp ơi”. *An Hà báo*, số 712.
7. Phá Đám. 1927. “Phá tôi sao chó”. *An Hà báo*, số 517.
8. Phạm Công Thành. 1925. “Một mối cảm tưởng trong khi đi chơi ngày chúa nhật”. *An Hà báo*, số 416.
9. Thế Trung. 1923. “Tôi ưa coi hát bội”. *An Hà báo*, số 296.
10. Trương Quang Tiền. 1922. “Vui xuân hay sầu xuân”. *An Hà báo*, số 248.
11. Tuyết Hữu. 1925. “Tin về cho bạn quý hữu Kỳ Xương”. *An Hà báo*, số 407.
12. Võ Hà Nhiên. 1922. “Trả lời khôn”. *An Hà báo*, số 247.